

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

LỚP MẪU GIÁO 5 TUỔI TRUNG TÂM

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Stt	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
1. Giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	* Phát triển vận động Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp. - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: Đưa 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	

2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Trẻ biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Trẻ biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao	- Đi khuyu gối. - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn), - Đi trên ván kê dốc. (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m - <i>Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.</i> - <i>Đứng co 1 chân</i> - Đi nội bàn chân tiến, lùi. - Đi bằng mép ngoài bàn chân.	
3	- Biết kiểm soát được vận động: - Trẻ biết đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động;	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đặc theo hiệu lệnh.	
4	- Trẻ biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Trẻ biết đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. - Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).	- Tung bóng lên cao và bắt. - <i>Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).</i> - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng	
5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.	- Chạy chậm khoảng 100-120m - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay	

	- Trẻ biết ném trúng đích đứng (cao 1,5m xa 2m) - Trẻ biết bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu - <i>Trẻ biết trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất</i>	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - <i>Ném trúng đích đứng (cao 1,5m xa 2m)</i> - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4 - 5m - Trèo lên, xuống 7 gióng thang - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	
6	- Trẻ thực hiện được các vận động: - Trẻ biết uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Trẻ gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.	
7	- Trẻ biết phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay , phối hợp tay mắt trong 1 số hoạt động: - Trẻ biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Trẻ biết cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Trẻ biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Trẻ biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu	- Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây	

	- Trẻ biết tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phecnotuya.		
8	<i>Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm</i>	- Bật xa 40 - 50cm - Bật liên tục vào vòng - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15 - 20cm	
9	<i>Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40cm</i>	- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 40 - 50cm) - Nhảy lò cò 5m	
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
10	<i>Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</i> <i>Cân nặng của trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg</i> <i>Cân nặng của trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg</i> <i>Chiều cao của trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm</i> <i>Chiều cao của trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm</i>	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm - Cân đo: + Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng/lần + Đối với trẻ SDD, béo phì thì theo dõi 1 lần/tháng - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển	
11	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Trẻ biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... Trẻ biết được thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	

12	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống	
13	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các loại thực phẩm tránh bị ôi, thiu</i> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	
14	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kĩ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - <i>KN sống hài hoà với môi trường tự nhiên: Giữ, gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giày dép, bánh xà phòng, khăn mặt..)</i> * <i>KN tự phục vụ : Chải đầu, buộc tóc, rửa tay sau khi đi vệ sinh...</i> - <i>Tự chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô quần áo, giày dép... ; để tham gia các hoạt động tham quan: Tham quan trường tiểu học...</i> - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách	
15	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- <i>Trẻ giúp cô kê bàn ăn, tự cất bát thìa sau khi ăn.</i> - <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế.</i>	

		- Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài	
16	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	Một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	
	- Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Trẻ biết không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Trẻ biết Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Trẻ biết không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	
17	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Trẻ biết Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Trẻ biết ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Trẻ biết Che miệng khi ho, hắt hơi. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Bảo vệ chăm sóc sức khỏe bản thân. Chăm sóc mắt, mũi, tai, miệng... - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Đi vệ sinh đúng nơi quy định; Che miệng khi ho, hắt hơi. - Bỏ rác đúng nơi quy định; (Không nhổ bậy ra lớp) + Sử dụng các vật liệu tự nhiên, tái chế phân loại rác thải. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh: - Biết xử lý khi bị thương nhẹ	

18	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: <i>Bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, phích nước nóng, ...</i> - Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ: <i>bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm...</i> - Biết cách phòng tránh nguồn lửa nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy nổ có thể xảy ra: <i>Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm...</i> - Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe báo cháy: <i>Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.</i> - KN sử dụng đồ dùng an toàn: <i>KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm.</i> + <i>KN nhận biết các nguồn nhiệt nguy hiểm và cách phòng tránh.</i> + <i>KN xử lý khi gặp đám cháy, nổ, hoả hoạn.</i> - Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: <i>Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/hô to gọi người lớn hoặc bỏ nhanh ra khỏi chỗ đám cháy...</i>	
19	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. - Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp trước và sau thiên tai	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như: <i>Khe suối, bể nước, , ao, hồ, bụi rậm, nơi có nguy cơ sạt lở, ... khu vực an toàn của trường nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i> - Phòng tránh đuối nước, ao hồ.	

20	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Trẻ biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,... - Trẻ biết không tự ý uống thuốc. - Trẻ Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lã, ăn uống đúng giờ, đủ chất.. + Không tự ý uống thuốc. + Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	
21	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Trẻ Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Trẻ biết ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn: + NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại, mắc kẹt trong không gian kín.. - Tránh một số trường hợp không an toàn: + Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép + Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ	
22	Trẻ thực hiện một số quy định ở	- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	

	trường, nơi công cộng về an toàn: - Trẻ biết đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Trẻ biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Trẻ không leo trèo cây, ban công, tường rào.	+ <i>Đi bộ trên vỉa hè. Đội mũ khi ngồi trên xe máy</i> + <i>Không leo trèo cây, ban công, tường rào</i> + <i>Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</i>	
23	<i>Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.</i>	- <i>Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật...trong khoảng 30 phút</i> - <i>Thường xuyên giữ được tập trung chú ý và tham gia hoạt động tích cực</i>	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a. Khám phá khoa học

24	- Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh, như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: "tại sao có mưa?"...	+ Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số hiện tượng thời tiết, thay đổi theo mùa: <i>mùa xuân: đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và thứ tự các mùa.</i> - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. + <i>Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường.</i> + <i>Đặt câu hỏi: Sự thay đổi của thời tiết/môi trường.</i> - <i>Yêu quý bảo vệ cảnh quan môi trường.</i> - <i>Lợi ích của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hoà không khí bảo vệ môi trường</i>	
----	---	---	--

		- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai	
25	Trẻ biết phối hợp các giác quan, để quan sát xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét, lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác của quan, các bộ phận khác cơ thể: <i>Mắt, mũi, tai, miệng, làn da,...</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, tai, mũi, miệng, làn da)</i> - Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. + Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của cây, một số loại con vật.	
26	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với cây, con vật.</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Một số đặc điểm, tính chất của nước - <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Động đất: Ra chỗ đất trống...; Sắm sát tránh xa đường dây điện cây to, các vật dụng kim loại.</i> + <i>Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống</i> + <i>Lũ: Là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông</i> + <i>Mưa đá: mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất</i> - <i>KN: Ứng phó khi gặp mưa gió bão; HD trẻ 1 số KN khi gặp mưa, gió bão...</i> - Dự án: Làm cây xanh	
27	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh băng hình	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	

	trò chuyện và thảo luận	- <i>Nhận biết đèn tín hiệu, biển báo giao thông</i>	
28	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- <i>Tên đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi bằng Tiếng Việt</i> - <i>Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu</i> - <i>Nói tên đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu bằng Tiếng Việt</i> - <i>Phân loại cây, hoa, quả con vật theo 2-3 dấu hiệu</i> - <i>Nhận biết một số luật giao thông đơn giản và tham gia giao thông đúng luật như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi bên tà lị dương.....</i> - Dự án: Làm đèn lồng	
29	<i>Trẻ nhận biết, phân biệt, nói rõ ràng tên, đặc điểm các từ, câu bằng tiếng Việt trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể màu sắc, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...</i>	- <i>Kể tên và nói được đặc điểm bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể. màu sắc, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...</i>	

30	Trẻ có thể nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt do nước nóng bốc hơi” - <i>Biết tên các loại thiên tai xảy ra ở Việt Nam và mối quan hệ giữ thiên tai và cuộc sống. Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao làm như vậy</i>	- <i>Làm thử nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát so sánh và dự đoán.</i> - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	
31	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	+ Một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	
32	- Trẻ biết nhận xét và thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả	
33	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- <i>Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng...</i>	
34	Trẻ nhận biết, kể tên và so sánh bằng tiếng việt rõ ràng trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, các thành viên trong gia đình, hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số con vật, cây hoa, quả, PTGT, mùa hè...	- <i>Kể tên và so sánh bằng tiếng việt rõ ràng trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, các thành viên trong gia đình, hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số con vật, cây hoa, quả, PTGT, mùa hè...</i>	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			

35	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Đây là mấy?"...	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 và đếm	
36	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	
37	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh nhóm có 3 đối tượng có kích thức khác nhau và sử dụng được các từ: to nhất - nhỏ hơn - nhỏ nhất, cao nhất - thấp hơn - thấp nhất, rộng nhất - hẹp hơn - hẹp nhất, nhiều hơn - ít hơn - ít nhất.	
38	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	
39	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	
40	Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	
41	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe.)	
42	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	
43	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại	- So sánh và phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	

44	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	
45	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo .	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo	
46	-Trẻ biết gọi tên và chỉ ra được các điểm giống khác nhau, giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật .	- Nhận biết, phân biệt, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế	
47	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật(phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	
48	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần	
c. Khám phá xã hội			
49	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình: <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái và bình đẳng giữa bạn trai và bạn gái.</i>	
50	- Trẻ nói được họ, tên tuổi, giới tính và	- Các thành viên trong gia đình	

	công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Nghề nghiệp của bố, mẹ, - Sở thích của các thành viên trong gia đình, - Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu của gia đình.	
51	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ...khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình mình, số điện thoại của gia đình	
52	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện <i>bằng tiếng việt</i>	- Tên, địa chỉ, những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. - <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng việt: Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</i> - Các hoạt động của trẻ ở trường	
53	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Các hoạt động, công việc của cô giáo, các bác trong trường	
54	- Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên và đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp	
55	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: Nói " Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.."	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - <i>Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn...</i>	
56	- Trẻ biết kể tên 1 số lễ hội và nói về	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các	

	hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên..."	ngày lễ, hội, sự kiện văn hóa của địa phương, quê hương đất nước: <i>Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung Thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc; 8/3.</i> - <i>Dự án: Làm bánh chưng</i>	
57	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của địa phương, quê hương đất nước. - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, đồi A1, hầm Đờ Cát</i>	
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe			
58	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể ví dụ: " các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái"	- Hiểu và làm theo 2- 3 yêu cầu liên tiếp	
59	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	
60	Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	

		- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - <i>Nghe chăm chú</i> - <i>Biết đặt câu hỏi</i>	
61	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được <i>Trẻ nói được tiếng việt rõ ràng khi người lớn yêu cầu.</i>	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể lại sự việc theo trình tự - <i>KN giao tiếp xã hội: Ứng xử phù hợp với người lớn trong giao tiếp</i> - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i> - <i>Nói rõ ràng các từ, câu Tiếng việt chỉ tên tuổi trường, lớp đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	
62	Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "có gì giống nhau?"; "có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"... - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?" "Như thế nào?" "Làm bằng gì?" - <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân diễn biến của BĐKH theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt lở đất</i>	
b. Nói			
63	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	
64	Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng	- Kể lại truyện theo đồ vật, theo tranh	

	thái của nhân vật		
65	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - <i>Đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</i>	
66	Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện	- <i>Kể chuyện sáng tạo</i>	
67	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch	
68	- Trẻ sử dụng các từ: " Cảm ơn; xin lỗi; xin phép; thưa; dạ; vâng... phù hợp với tình huống	- <i>Sử dụng các từ lễ phép, văn minh phù hợp với tình huống</i>	
69	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - <i>Cùng cô và các bạn lập kế hoạch và thực hiện công việc được phân công, phân công công việc.</i> - <i>KN kiểm soát cảm xúc: Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh nhận biết cảm xúc của bản thân.</i>	
c. Làm quen với việc đọc, viết			
70	Trẻ biết chọn sách để " Đọc" và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn, bảo vệ sách.	
71	Trẻ kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể lại truyện theo tranh minh họa	

72	Trẻ biết cách " Đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc tiếng việt + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở và kết thúc của sách	
73	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	
74	Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái <i>trong bảng chữ cái tiếng việt: o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; l-m-n; g-y ; h-k; p-q; s-x; v-r</i> - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu	
75	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Tập tô các chữ cái: <i>o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; l-m-n; g-y ; h-k; p-q; s-x; v-r</i>	
76	<i>Biết nghe hiểu nội dung của truyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.</i>	- <i>Nghe hiểu nội dung của truyện, thơ, đồng dao, ca dao trẻ yêu thích các câu truyện, thơ, đồng dao, ca dao</i>	
77	<i>Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh</i>	- <i>Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện khi chơi trong nhóm bạn chơi</i> - <i>Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh</i>	
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
78	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính	- Bản thân và gia đình	

	của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		
79	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích và khả năng của bản thân	
80	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (đáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	
81	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gđ và lớp học - <i>Bình đẳng giới</i>	
82	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- <i>Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.</i>	
83	- Trẻ biết tự làm 1 số việc đơn giản hàng ngày(vs cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động:	
84	- Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	
85	- Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
86	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái, cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
87	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình	

		- Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.	
88	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ	
89	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ	
90	Trẻ biết 1 vài cảnh cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và 1 số nét đẹp VH truyền thống (trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc; 8/3. - Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, đồi A1, hầm Đờ Cát.	
91	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng, sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông, bà, bố, mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường).	
92	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng- sai", tốt - xấu'	
93	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	
94	- Trẻ biết chờ đến lượt	- Chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động, không chen lấn xô đẩy bạn.	

		- Xếp hàng ngay ngắn khi thể dục. - Không chạy từ hàng này sang hàng kia khi tập thể dục	
96	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	
97	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận, nhường nhịn)	- <i>Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.</i> - <i>Bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bạn</i> - <i>Bảo vệ bạn khi bị người khác bắt nạt</i>	
98	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	
99	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định	- <i>Bỏ rác đúng nơi qui định</i> - <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i>	
100	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ MT (không xả nước bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- <i>Nhắc nhở bạn thực hiện hành vi bảo vệ môi trường</i> - <i>Giữ gìn vệ sinh môi trường</i> - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i>	
101	- Trẻ biết tiết trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- <i>Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn</i> - <i>Tiết kiệm điện, nước</i>	
102	<i>Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi</i>	- <i>Mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, lễ phép với người lớn</i>	

103	<i>Trẻ biết nhóm bạn chơi thường xuyên</i>	<i>- Có nhóm bạn chơi thường xuyên</i>	
104	<i>Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.</i>	<i>- Có ý thức trong hoạt động tập thể của lớp, chơi đoàn kết với các bạn</i>	
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
105	<i>- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</i>	<i>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</i>	
106	<i>- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</i>	<i>- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, - Nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</i>	
107	<i>- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình</i>	<i>- Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình</i>	
108	<i>- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca,</i>	<i>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của</i>	

	hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	bài hát	
109	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay các loại tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	
110	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên phế liệu để tạo ra các sản phẩm - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
111	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục	
112	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục	
113	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục	

114	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục	
115	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng đường nét và bố cục	
116	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	
117	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	
118	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích,	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	
119	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	
120	<i>Biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi âm nhạc tạo hình</i>	<i>- Thể hiện sự hiểu biết qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình, vui chơi: Hoạt động chơi ngoài trời, hoạt động góc</i>	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ 5 TUỔI

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Ghi chú
01/09 - 05/09/2025		Ổn định, rèn nề nếp				
8/9- 12/9	1	Trường mầm non	Trường Mầm non thân yêu của bé	1	Ngày hội đến trường	
15/9- 19/9			Lớp học thân yêu của bé	1		
22/9 -26/9			Đồ dùng, đồ chơi của bé	1		
29/9- 03/10	2	Bản thân	Bé là ai?	1		
06/10- 10/10			Bé vui tết Trung thu	1	Tết Trung thu (6/10)	
13/10 - 17/10			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
20/10 - 24/10	3	Gia đình	Gia đình sống chung một ngôi nhà	1	PNVN 20/10	
27/10- 31/10			Ngôi nhà thân yêu của bé	1		

03/11 - 7/11			Những đồ dùng trong gia đình bé	1		
10/11 -14/11	4	Nghề nghiệp	Nghề nông	1		
17/11 -21/11			Ngày hội của các cô giáo	1	Ngày NGVN 20/11	
24/11 -28/11			Nghề y	1		
01/12 -05/12			Nghề xây dựng	1		
8/12 - 12/12			Nghề phổ biến ở địa phương	1		
15/12 - 19/12	5	Động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1		
22/12 -26/12			Động vật sống trong rừng	1	QĐNDVN 22/12	
29/12 – 2/1/2026			Động vật sống dưới nước	1		
5/1 -9 /1			Côn trùng và Chim	1		
12/1 - 16/1			Ôn		Kết thúc hk1 18/1	
19/1 - 23/1			Bé với các loại rau	1		
26/1- 30/1			Bé và các loại hoa, quả	1		

2/2-6/2	6	Cây xanh và mùa xuân	Một số loại cây xanh	1		
9/2 - 13/2			Tết và mùa xuân	1		
16 /2 - 20/2			Nghỉ tết nguyên đán		Tết nguyên đán	
23/2 -27/2			Cây lương thực	1		
2/3 - 6/3	7	Phương tiện và quy định giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	1	Tổ chức Ngày QTPN vào 6/3	
9/3 -13/3			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
16/3 - 20/3			Phương tiện giao thông đường hàng không	1		
23/3 - 27/3			Một số luật lệ giao thông	1		
30/3 – 3/4	8	Hiện tượng tự nhiên	Sự kì diệu của nước	1		
06/04-10/04			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
13/4 - 17/4			Bé học thời gian	1		
20/4- 24/4			Các mùa trong năm	1		
27/4- 1/5	9	QHĐN	Bản làng em	1	Giỗ tổ HV 10.3, 30/4, 1/5	

4/5- 8/5		Bác Hồ - Trường tiểu học	Các danh lam thắng cảnh của địa phương Bác Hồ	1		
11/5-15/5			Bác hồ với các cháu thiếu nhi	1		
18/5-22/5			Bé làm quen trường tiểu học	1		

Pa Ham, ngày 04 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN

**PHÊ DUYỆT
CỦA CHUYÊN MÔN NHÀ TRƯỜNG**

Trần Thị Nết

Lường Thu Thanh

Lò Thị Dương

